

Số: ~~4041~~ /BC-SYT

Đồng Nai, ngày 06 tháng 6 năm 2022

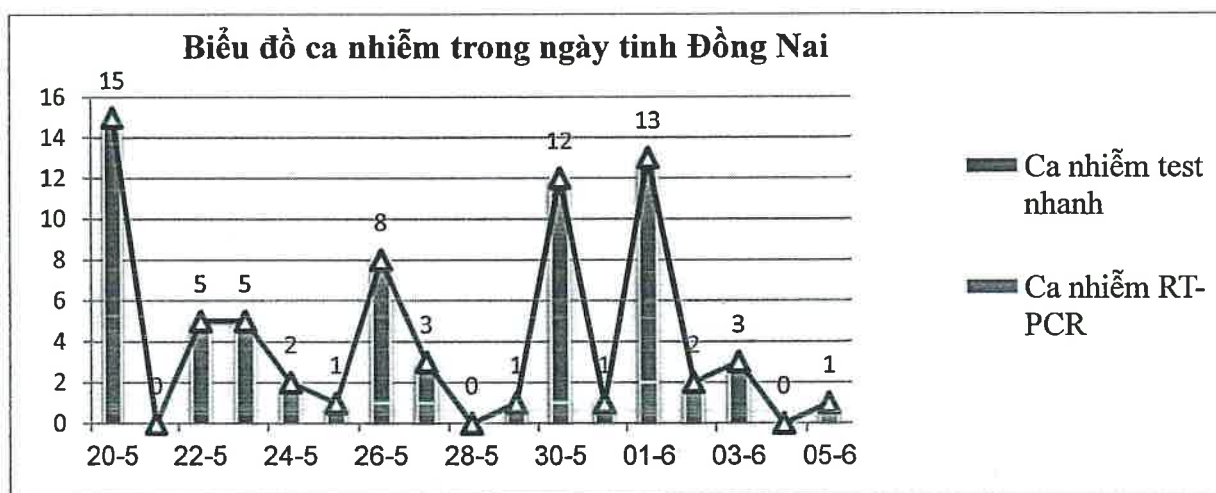
BÁO CÁO NGÀY

**Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 05/6/2022**

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

T T	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế		
		RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh	Tổng số ca bệnh
1	Biên Hòa	1	0	1	0	0	1	51.102	104.872	155.974
2	Nhơn Trạch	0	0	0	0	0	0	19.379	42.493	61.872
3	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	13.946	25.341	39.287
4	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	9.695	24.832	34.527
5	Long Thành	0	0	0	0	0	0	4.090	23.022	27.112
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	2.102	16.052	18.154
7	Định Quán	0	0	0	0	0	0	1.096	16.872	17.968
8	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	1.074	16.002	17.076
9	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	773	15.561	16.334
10	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	1.346	14.157	15.503
11	Long Khánh	0	0	0	0	0	0	1.682	13.601	15.283
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0	403
Tổng số		1	0	1	0	0	1	106.688	312.805	419.493

* Triển khai Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.



Nhận xét:

- Trong ngày ghi nhận 01 ca mắc COVID-19 mới tại Biên Hòa.
- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.493 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	00	00	44.104	44.104
Cách ly tại nhà	00	30	385.050	385.080
Theo dõi sức khỏe	00	00	51.981	51.981

Giải thể các cơ sở cách ly tập trung, duy trì các cơ sở thu dung người mắc COVID-19 tại các huyện, thành phố phục vụ người dân không đủ điều kiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	01	09	03	417.521	00	1.963	00
Tỉ lệ		0,00%		99,53%		0,47%	14,29%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 00
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 09 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm lũy kế: 0,47%
- Số ca tử vong/100.000 dân/tuần: 0
- Tỉ lệ tử vong/ tổng số ca điều trị/tuần: 0

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	0	320
Tầng 2	3.821	0	3.821
Tầng 1	5.544	0	5.544

Số ca bệnh chuyển nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	1	6	166.976	167.092
2	Long Khánh	0	0	13.953	13.953
3	Vĩnh Cửu	0	2	29.515	29.540
4	Định Quán	0	0	17.865	17.865
5	Tân Phú	0	0	16.044	16.053
6	Trảng Bom	0	1	13.860	13.863
7	Thống Nhất	0	0	16.432	16.439
8	Xuân Lộc	0	0	13.707	13.718
9	Cẩm Mỹ	0	0	15.453	15.454
10	Long Thành	0	0	34.858	34.858
11	Nhon Trạch	0	0	42.492	42.493
	Tổng	1	9	381.155	381.328

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 05/6/2022)

- Được sự chấp thuận của UBND tỉnh tại văn bản số 5502/UBND-KGVX ngày 01/6/2022, Sở Y tế triển khai Kế hoạch số 3888/KH-SYT ngày 01/6/2022 của Sở Y tế về việc phân bổ sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh đợt 42.

- Trong ngày thực hiện tiêm 1.613 liều vắc xin phòng COVID-19. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.592.650 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 107,90% ; Mũi 2: 100,49%; Mũi 3: 51,88%; Mũi 4: 0,59%.**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 65% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 03 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất, Tân Phú); các huyện, thành phố khác đều đạt trên 70%.

Trong đó:

+ Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 65,33%

- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 97,73%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 51,85%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	37	00	2.325.000	317.907
RT-PCR mẫu đơn	27	00	2.147.920	282.889
RT-PCR mẫu gộp	00	00	383.890	35.212
Lượt người thực hiện PCR	27	00	3.974.630	282.889

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 00 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Duy trì hoạt động hiệu quả các Trạm Y tế lưu động tại địa phương và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 01 ca mắc COVID-19 mới tại Biên Hòa. Trên địa bàn tỉnh đang theo dõi 09 ca mắc COVID-19, hiện không có ca bệnh nặng, nguy kịch theo dõi tại cơ sở y tế.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.493 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên**: Mũi 1: 107,90% ; Mũi 2: 100,49%; Mũi 3: 51,88%; Mũi 4: 0,59%.

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 65% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 03 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất, Tân Phú); các huyện, thành phố khác đều đạt trên 70%.

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 65,33%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 97,73%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 51,85%

- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
 - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.
 - Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 28/5/2022: tỉnh Đồng Nai duy trì mức nguy cơ **Cấp độ 1 Bình thường mới**
 - + Cấp huyện: tất cả 11/11 huyện, thành phố cấp độ 1;
 - + Cấp xã: tất cả 170/170 xã, phường cấp độ 1.
- (Chi tiết tại Phụ lục 1)

b) Kiến nghị

- Các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.
- Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện hiệu quả công thức 5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Đặc biệt chú trọng truyền thông về hiệu quả của việc tiêm vắc xin trong phòng chống dịch bệnh tăng sự đồng thuận của người dân.
- Triển khai Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai các hoạt động bảo vệ sức khỏe người dân giai đoạn hậu COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế
(Cập nhật đến ngày 28/5/2022 tại Báo cáo số 468/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố		Xã, phường	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Cấp 1 (Bình thường mới)	11	100%	170	100%
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	00	0%	00	0%
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	0%	00	0%
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	0%	00	0%
Tỉnh Đồng Nai: Cấp 1 - Đánh giá Mức độ lây nhiễm: Mức độ 1 - Đánh giá Khả năng đáp ứng: Khả năng cao - Tỉ lệ tử vong trong tuần ở mức dưới 6/100.000 dân				

Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 5 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 05/6/2022)

TT	Địa phương	Dân số từ 5 tuổi trở lên	Người từ 5 tuổi trở lên							
			Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Mũi 4	Tỷ lệ mũi 4
1	Biên Hòa	1.067.510	1.129.322	105,79%	1.088.487	101,97%	463.210	43,39%	4.388	0,41%
2	Long Khánh	152.685	148.074	96,98%	137.565	90,10%	86.036	56,35%	2.797	1,83%
3	Long Thành	237.381	259.203	109,19%	239.101	100,72%	134.197	56,53%	934	0,39%
4	Nhơn Trạch	283.932	273.820	96,44%	225.268	79,34%	126.795	44,66%	0	0,00%
5	Thống Nhất	157.127	143.652	91,42%	133.267	84,81%	70.111	44,62%	524	0,33%
6	Trảng Bom	278.411	333.654	119,84%	293.026	105,25%	172.714	62,04%	1.824	0,66%
7	Vĩnh Cửu	152.991	165.223	108,00%	162.112	105,96%	96.299	62,94%	1.760	1,15%
8	Xuân Lộc	211.134	222.565	105,41%	210.787	99,84%	114.700	54,33%	681	0,32%
9	Cẩm Mỹ	116.034	129.828	111,89%	122.849	105,87%	80.090	69,02%	1.086	0,94%
10	Định Quán	170.648	170.536	99,93%	168.632	98,82%	97.816	57,32%	968	0,57%
11	Tân Phú	146.636	155.032	105,73%	143.831	98,09%	68.099	46,44%	555	0,38%
	Đồng Nai	2.910.571	3.140.392	107,90%	2.924.925	100,49%	1.510.067	51,88%	17.266	0,59%

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 05/6/2022)

TT	Địa phương	Người từ 12 đến 17 tuổi								Người từ 5 đến 11 tuổi							
		Dân số 12-17	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Dân số 5-11	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2		
1	Biên Hòa	93.343	26	90.735	97,21%	87.674	93,93%	7	0,01%	105.514	0	51.758	49,05%	13.604	12,89%		
2	Long Khánh	15.555	0	15.555	100,00%	15.213	97,80%	17	0,11%	16.359	0	7.672	46,90%	1.261	7,71%		
3	Long Thành	26.882	2	27.381	101,86%	25.280	94,04%	0	0,00%	24.808	7	11.669	47,04%	4.874	19,65%		
4	Nhơn Trạch	17.405	0	19.577	112,48%	17.078	98,12%	0	0,00%	22.771	0	10.487	46,05%	2.497	10,97%		
5	Thống Nhất	14.905	0	15.760	105,74%	14.461	97,02%		0,00%	20.979	0	8.671	41,33%	2.748	13,10%		
6	Trảng Bom	28.881	0	33.561	116,20%	33.772	116,94%	0	0,00%	28.821	0	20.863	72,39%	194	0,67%		
7	Vĩnh Cửu	15.040	0	14.997	99,71%	14.577	96,92%	0	0,00%	16.802	0	9.483	56,44%	1.270	7,56%		
8	Xuân Lộc	22.193	0	22.497	101,37%	21.815	98,30%	0	0,00%	26.661	0	10.831	40,62%	4.330	16,24%		
9	Cẩm Mỹ	12.810	0	12.698	99,13%	12.159	94,92%	0	0,00%	13.841	0	6.932	50,08%	1.888	13,64%		
10	Định Quán	20.291	0	20.272	99,91%	19.902	98,08%	0	0,00%	20.377	0	11.332	55,61%	3.976	19,51%		
11	Tân Phú	17.908	0	17.192	96,00%	16.802	93,82%	0	0,00%	16.926	0	9.646	56,99%	2.699	15,95%		
	Đồng Nai	285.213	28	290.225	101,76%	278.733	97,73%	24	0,01%	313.859	7	159.344	50,77%	39.341	12,53%		